

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22-02-2021
V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Công Du;
2. Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Khuất Thị N, trú tại: Số nhà 12/262 đường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Đức P, trú tại: Thôn A, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn bà Khuất Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Đức P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, bà và ông P có 01 con chung. Quá trình chung sống một thời gian ngắn thì ông bà phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau nên bà về nhà bố mẹ đẻ ở quận K từ năm 1992 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau vì không còn tình cảm vợ chồng. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hoàng Đức P. Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung là Hoàng Hương G, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1992, hiện đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà và ông P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn ông Hoàng Đức P thể hiện: Ông thống nhất với lời khai của bà N về điều kiện chung sống vợ chồng. Ông và bà N chung sống với nhau thời gian ngắn khi bà N có thai được 05 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Bà N về nhà bố mẹ đẻ ở quận K và không chung sống với ông từ năm 1992 đến nay. Nay bà N có đơn xin ly hôn ông, do ông và bà N không đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là Hoàng Hương G, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1992, hiện đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông và bà N không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Khuất Thị N và bị đơn ông Hoàng Văn P đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Khuất Thị N và ông Hoàng Đức P; về con chung: Bà N và ông P có 01 con chung là Hoàng Hương G, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1992, đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà N và ông P không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Bà N và ông P không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Khuất Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn ông Hoàng Đức P có nơi cư trú tại Thôn A, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Khuất Thị N và bị đơn ông Hoàng Đức P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Khuất Thị N và ông Hoàng Đức P.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Khuất Thị N và ông Hoàng Đức P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 tại Thôn A, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau thời gian gần thì ông, bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Bà N về nhà bố mẹ đẻ ở quận K, thành phố Hải Phòng ở và sống ly thân với ông P từ năm 1992 đến nay. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng cung cấp tại sổ đăng ký kết hôn gốc lưu giữ từ năm 1991 đến nay không thể hiện có tên ông Hoàng Đức P và bà Khuất Thị N. Căn cứ vào các tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xác định bà Khuất Thị N và ông Hoàng Đức P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà N có đơn xin ly hôn ông P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Khuất Thị N và ông Hoàng Đức P.

[4] Về con chung: Bà N và ông P có 01 con chung là Hoàng Hương G, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1992, hiện đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà N, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà N và ông P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Bà Khuất Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Khuất Thị N và ông Hoàng Đức P.

2. Về án phí: Bà Khuất Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Khuất Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011661 ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Bà Khuất Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Bà Khuất Thị N và ông Hoàng Đức P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

